TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 18/2026/QĐST-DS	*Hải Phòng, ngày 19 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 307/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

+ Công ty Cổ phần M1; địa chỉ: Tầng A Tòa nhà C, số B T, phường Y, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Văn H - Chuyên viên xử lý nợ Công ty Cổ phần M1 (theo Văn bản ủy quyền số 38006/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 23/6/2025)

+ Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP V (theo Văn bản ủy quyền số 29309/2025/UQN-PLTH2 ngày 08/9/2025)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 và ông Bùi Đức M, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L (địa chỉ: Tầng B, số A B, phường H, thành phố Hải Phòng) do bà Vũ Thị T1 - Luật sư của Công ty L thực hiện (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 27/01/2026 và Quyết định số 02/2026/QĐ-NA ngày 27/01/2026 của Công ty L).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ và nghĩa vụ trả nợ: Ngân hàng TMCP V, Công ty Cổ phần M1, bà Nguyễn Thị N và ông Bùi Đức M đều xác nhận tính đến hết ngày ngày 11 tháng 3 năm 2026: Bà Nguyễn Thị N và ông Bùi Đức M còn nợ Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 theo các hợp đồng cho vay hạn mức cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số LN1910171779623 ngày 04/11/2019, ông Bùi Đức M và bà Nguyễn Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 tổng số tiền là 497.348.824 đồng, trong đó nợ gốc là 368.624.567 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.756.690 đồng, nợ lãi quá hạn là 125.523.386 đồng và lãi chậm trả là 444.091 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay số LN2102023370496 ngày 01/3/2021, ông Bùi Đức M và bà Nguyễn Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 tổng số tiền là 1.234.918.279 đồng, trong đó nợ gốc là 912.321.197 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.864.306 đồng, nợ lãi quá hạn là 311.181.513 đồng và lãi chậm trả là 1.551.263 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay số LN2309050168191 ngày 08/9/2023, ông Bùi Đức M và bà Nguyễn Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 tổng số tiền là 359.333.824 đồng, trong đó nợ gốc là 276.993.157 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.540.004 đồng, nợ lãi quá hạn là 79.372.690 đồng và lãi chậm trả là 427.973 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay số LN2309050165361 ngày 08/9/2023, ông Bùi Đức M và bà Nguyễn Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 tổng số tiền là 319.763.213 đồng, trong đó nợ gốc là 246.488.600 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.261.793 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.631.723 đồng và lãi chậm trả là 381.097 đồng.

Tổng số nợ 2.411.364.140 đồng, trong đó:

- Nợ của Ngân hàng TMCP V (5%) là 120.568.207 đồng, trong đó nợ gốc là 90.221.381 đồng, nợ lãi trong hạn là 871.140 đồng, nợ lãi quá hạn là 29.335.465 đồng và lãi chậm trả là 140.221 đồng

- Nợ của Công ty Cổ phần M1 (95%) là 2.290.795.933, trong đó nợ gốc là 1.714.206.230 đồng, nợ lãi trong hạn là 16.551.653 đồng, nợ lãi quá hạn là 557.373.847 đồng và lãi chậm trả là 2.664.203 đồng.

Kể từ ngày 12/3/2026, ông Bùi Đức M và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho

vay.

2.2. Về thời gian trả nợ: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 12/3/2026, bà Nguyễn Thị N và ông Bùi Đức M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 toàn bộ số nợ 2.411.364.140 đồng và tiền lãi phát sinh.

2.3. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N và ông Bùi Đức M không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp cụ thể là:

- Một xe ô tô nhãn hiệu FORD EVEREST, số khung XMAWAKT38995, số máy YNWQAT38995. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 15A-537.45 do Phòng C Công an thành phố H cấp ngày 04/11/2019 cho bà Nguyễn Thị N theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số LN1910171779623 ngày 04/11/2019 và Hợp đồng thế chấp số LN2309050165361 (nghĩa vụ 2) ngày 08/9/2023.

- Một xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES BENZ C200, số khung RLMWF8AX7MV009386, số máy 26492030365003. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 15A-692.03 do Phòng C Công an thành phố H cấp ngày 26/02/2021 cho ông Bùi Đức M theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN21020233370496 ngày 26/02/2021 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 08/9/2023 (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN21020233370496 ngày 26/02/2021).

2.4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N và ông Bùi Đức M nộp 40.114.000 đồng (Bốn mươi triệu một trăm mười bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại Công ty Cổ phần M1 số tiền 36.620.000 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004412 ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hoà giải;

THẨM PHÁN

- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ việc.

Nguyễn Thị Liên